

Số: 8585 /SGDDĐT-GDPT
V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ
giáo dục phổ thông năm học 2026 - 2027

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường phổ thông, trường phổ
thông nhiều cấp học.

Căn cứ Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung kế hoạch thời gian đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2026 - 2027 và các năm học tiếp theo;

Căn cứ Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026 - 2027;

Căn cứ Quyết định số 5067/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện nhiệm vụ năm học 2026 - 2027 như sau:

A. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp với đặc thù từng cấp học và đối tượng học sinh¹.

2. Thực hiện giáo dục bắt buộc, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, nhất là đối với học sinh vùng khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khác.

¹ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông; Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình Giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT.

3. Bảo đảm đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; sắp xếp hợp lý mạng lưới trường, lớp, phân hiệu, điểm trường; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương và học liệu đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học, giáo dục học sinh nhằm bảo đảm chất lượng giáo dục phổ thông.

4. Đổi mới quản lý giáo dục phổ thông và quản trị nhà trường; đẩy mạnh chuyển đổi số, học bạ số, học liệu số; quản trị, khai thác và sử dụng hiệu quả dữ liệu giáo dục; giảm hồ sơ, thủ tục hành chính; tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”².

5. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; tăng cường kiểm tra, giám sát; chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý các nguy cơ gây mất an toàn cho học sinh, nhất là bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, tai nạn, thương tích, đuối nước, mất an toàn thực phẩm và các nguy cơ trên môi trường mạng; thực hiện đúng quy định về dạy thêm, học thêm, các khoản thu, chi, tài trợ, huy động nguồn lực xã hội và tổ chức các hoạt động giáo dục.

6. Tập trung thực hiện nội dung theo Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045” và Quyết định số 2372/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045”.

7. Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo; tiếp tục mở rộng mô hình trường thực hiện nội dung giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế trong giáo dục phổ thông³.

8. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện từng địa phương, đơn vị, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học tại các cơ sở giáo dục phổ thông.

² Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

³ Quyết định số 2078/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bộ tiêu chuẩn thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường thực hiện nội dung giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

B. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2026-2027 trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông, kế hoạch thời gian năm học, các nội dung điều chỉnh, bổ sung của Chương trình, điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu, quy mô học sinh, đặc điểm địa phương và kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học trước. Kế hoạch phải đảm bảo thực hiện yêu cầu cần đạt của Chương trình, phù hợp với điều kiện thực tế, khả thi, ổn định, hiệu quả; không cắt xén nội dung, thời lượng hoặc tổ chức mang tính hình thức⁴; đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng sống, năng lực số, trí tuệ nhân tạo đối với học sinh.

Thường xuyên rà soát, cập nhật tài liệu, học liệu, ngữ liệu và học liệu số; khai thác hiệu quả tài nguyên giáo dục mở và nguồn học liệu dùng chung; bảo đảm nội dung dạy học chính xác, khoa học, cập nhật, phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông.

Tổ chức thực hiện đầy đủ các môn học và hoạt động giáo dục; phương án tổ chức dạy học 2 buổi/ngày phải được thể hiện trong kế hoạch giáo dục nhà trường, phù hợp với điều kiện bảo đảm của cơ sở giáo dục; ưu tiên củng cố kiến thức, phát triển năng lực, tổ chức hoạt động giáo dục toàn diện và hỗ trợ học sinh theo nhu cầu; thực hiện hiệu quả chủ trương xã hội hóa giáo dục bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật⁵.

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng, ban hành và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường; phát huy vai trò của tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

⁴ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Công văn 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021 - 2022; Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học; Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông.

⁵ Công văn số 2174/SGDĐT-GDPT ngày 10/9/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông từ năm học 2025-2026; Công văn số 5811/SGDĐT-KHTC ngày 16/12/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn lập dự toán chi trả tiền dạy thêm giờ thực hiện dạy học 2 buổi/ngày từ năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đổi mới phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học

Tiếp tục đổi mới, sử dụng linh hoạt và đa dạng phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, phù hợp với nội dung bài học, đối tượng học sinh; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức; tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để học sinh cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực; tăng cường thực hành, thí nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, học tập theo dự án, học tập qua trải nghiệm, thảo luận, hợp tác, giải quyết vấn đề phù hợp với yêu cầu cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục và điều kiện nhà trường. Hướng dẫn học sinh phát huy tinh thần tự giác, chủ động, tự học trong mọi hoạt động học tập bảo đảm đạt được yêu cầu cần đạt của chương trình.

Chỉ đạo giáo viên thiết kế và tổ chức bài học bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông; lựa chọn nội dung, phương pháp, học liệu, thiết bị dạy học và hình thức tổ chức dạy học phù hợp⁶; tăng cường ứng dụng công nghệ số, khai thác hiệu quả học liệu số, trí tuệ nhân tạo và tài nguyên giáo dục mở theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kịp thời hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt và tạo cơ hội phát triển đối với học sinh có năng lực, năng khiếu.

Các cơ sở giáo dục khai thác, sử dụng hiệu quả thư viện, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thiết bị dạy học và học liệu số. Tăng cường sử dụng các thiết chế văn hóa và thể thao, di sản văn hóa, môi trường tự nhiên; phối hợp các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cộng đồng địa phương trong tổ chức hoạt động giáo dục. Hoạt động phải có mục tiêu giáo dục rõ ràng, bảo đảm an toàn, thiết thực, phù hợp lứa tuổi, không hình thức, không làm phát sinh chi phí không cần thiết hoặc tạo áp lực đối với học sinh và cha mẹ học sinh.

Đối với các cơ sở giáo dục sau sắp xếp, căn cứ các văn bản hướng dẫn hiện hành, hiệu trưởng cụ thể hóa cơ chế quản lý, điều hành; phân công nhiệm vụ, ủy quyền; quy trình phối hợp giữa trường chính, phân hiệu và điểm trường; chế độ thông tin, báo cáo, kiểm tra và trách nhiệm giải trình; kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và cơ chế quản trị trong nhà trường phù hợp với mô hình sau khi sắp xếp cơ sở giáo dục theo quy định tại Điều lệ trường phổ thông và các quy định pháp luật hiện hành; tổ chức ổn định hoạt động quản lý hành chính, thống nhất các hoạt động chuyên môn; thực hiện quản lý, tài chính, tài sản công, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục.

⁶ Công văn số 4405/BGDĐT-GDPT ngày 13/7/2026 của Bộ GDĐT về việc tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện CTGDPT 2018 sau rà soát và phát triển chương trình.

3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá

Thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh đúng quy định, bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác và vì sự tiến bộ của học sinh; kết hợp phù hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, nhận xét và điểm số phù hợp với cấp học, môn học, hoạt động giáo dục⁷.

Nội dung kiểm tra, đánh giá phải bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông. Chú trọng đánh giá khả năng hiểu, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; hạn chế yêu cầu ghi nhớ máy móc, học thuộc lòng, làm bài theo khuôn mẫu. Kết quả đánh giá phải được sử dụng để điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với đối tượng học sinh, phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu, bồi dưỡng học sinh giỏi, tư vấn học tập, hướng nghiệp và phối hợp với cha mẹ học sinh.

Tăng cường kiểm tra, đánh giá trong quá trình học tập của học sinh thông qua các câu hỏi, bài tập, dự án, thuyết trình, hoạt động học tập,...; đánh giá định kì thông qua các hình thức thực hành, dự án học tập, trong đó có hướng dẫn chấm điểm, tiêu chí chấm cụ thể, có thông báo trước các yêu cầu, hình thức đánh giá để học sinh chủ động; đánh giá các nội dung dạy học tích hợp về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, đạo đức liêm chính, pháp luật về an toàn giao thông, giáo dục tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, ...

Tăng cường vai trò của tổ chuyên môn trong hướng dẫn, tổ chức xây dựng ma trận, bản đặc tả, câu hỏi, bài kiểm tra và nhiệm vụ học tập phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình; khai thác, sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học, hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và nâng cao chất lượng giáo dục⁸.

Duy trì tổ chức khảo sát, đánh giá năng lực học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực nhằm làm cơ sở đổi mới phương pháp, hình thức dạy và học phù hợp; góp phần duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục. Việc kiểm tra, khảo sát, thi thử được tổ chức phù hợp, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục; không gây áp lực cho học sinh; không sử dụng kết quả khảo sát, kiểm tra để xếp hạng, tạo áp lực thành tích đối với giáo viên và học sinh.

Tiếp tục xây dựng, bổ sung, hoàn thiện ngân hàng câu hỏi kiểm tra, đánh giá đối với các môn học, đảm bảo thực hiện thống nhất, đồng bộ theo Chương trình giáo dục phổ thông.

⁷ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

⁸ Công văn số 7991/BGDĐT-GDTrH ngày 17/12/2024 của Bộ GDĐT về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với cấp THCS, THPT.

4. Tổ chức các nội dung giáo dục gắn với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

4.1. Nội dung giáo dục địa phương

Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương bảo đảm đúng mục tiêu, yêu cầu cần đạt, thời lượng quy định; phù hợp với điều kiện lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội, môi trường, đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp của địa phương; gắn với giáo dục truyền thống, giáo dục pháp luật, bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng và định hướng nghề nghiệp⁹.

Các cơ sở giáo dục bố trí thời lượng, phân công giáo viên, lựa chọn hình thức tổ chức dạy học phù hợp; ưu tiên phân công giáo viên đảm nhận các nội dung phù hợp với chuyên môn giáo viên.

Kế hoạch dạy học nội dung giáo dục địa phương được xây dựng theo từng chủ đề phù hợp với điều kiện tổ chức của nhà trường và kế hoạch dạy học các môn học có nội dung liên quan; tạo điều kiện cho học sinh liên hệ, vận dụng những nội dung, kiến thức đã học vào thực tiễn tại địa phương.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng học liệu dùng chung, tổ chức tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, chia sẻ bài dạy minh họa về nội dung giáo dục địa phương giữa các cơ sở giáo dục phổ thông và các cụm chuyên môn.

4.2. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo đúng mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông và bảo đảm thiết thực, an toàn, phù hợp lứa tuổi, điều kiện nhà trường, địa phương. Nội dung hoạt động cần gắn với giáo dục kỹ năng sống, lao động, tự phục vụ, trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng và định hướng nghề nghiệp¹⁰.

Đối với cấp trung học cơ sở, hoạt động hướng nghiệp cần giúp học sinh nhận biết sở thích, năng lực, điều kiện bản thân, đặc điểm các lĩnh vực nghề nghiệp và các lộ trình học tập sau trung học cơ sở. Đối với cấp trung học phổ thông, hoạt động hướng nghiệp cần gắn với lựa chọn môn học, chuyên đề học tập, tổ hợp thi, ngành nghề đào tạo, thị trường lao động và năng lực cá nhân.

Các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp phù hợp với đặc điểm học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường; tăng cường các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp; tích cực lồng ghép nội dung giáo dục hướng nghiệp

⁹ Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học.

¹⁰ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học; Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

vào các môn học và hoạt động giáo dục. Tập trung thực hiện hiệu quả đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục hướng nghiệp, gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương và nhu cầu thị trường lao động. Các hoạt động ngoài nhà trường phải có kế hoạch, phương án bảo đảm an toàn, nội dung giáo dục rõ ràng và sự phối hợp phù hợp với cha mẹ học sinh, đơn vị liên quan.

Củng cố, phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm tư vấn hướng nghiệp; tăng cường tổ chức tập huấn cho giáo viên thực hiện công tác tư vấn hướng nghiệp. Huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp vào hoạt động giáo dục hướng nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tư vấn hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông.

4.3. Giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật

Tổ chức giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật phù hợp với mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông, điều kiện nhà trường và năng lực học sinh; gắn với môn học, hoạt động giáo dục, chuyên đề học tập, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp STEM. Chú trọng hình thành tư duy khoa học, tư duy thiết kế, năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác và vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn.

Lựa chọn chủ đề phù hợp; khai thác thiết bị, học liệu hiện có, học liệu địa phương; tăng cường phối hợp với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, trung tâm khoa học, bảo tàng, thư viện và cơ sở sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế. Không tổ chức giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật theo phong trào, nặng sản phẩm trình diễn, thiếu chiều sâu chuyên môn hoặc làm phát sinh chi phí không cần thiết.

4.4. Giáo dục năng lực số và sử dụng trí tuệ nhân tạo

Thực hiện hiệu quả giáo dục năng lực số, nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo, giáo dục an toàn mạng toàn diện cho học sinh, đảm bảo phù hợp với từng cấp học, điều kiện nhà trường và đối tượng học sinh. Hướng dẫn học sinh sử dụng công nghệ, internet, mạng xã hội và trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm, trung thực; phòng ngừa sao chép, gian lận học thuật, lệ thuộc công nghệ và các nguy cơ trên môi trường số, đặc biệt là không sử dụng trí tuệ nhân tạo để thay thế trách nhiệm tự học, tự rèn luyện¹¹; chủ động nhận diện, phòng ngừa và xử lý các nguy

¹¹ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số; Thông tư số 05/2026/TT-BKHCN ngày 10/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia.

cơ học sinh bị bắt nạt, xâm hại, lừa đảo, dụ dỗ hoặc bị xâm phạm quyền riêng tư trên môi trường mạng.

Đối với địa bàn còn khó khăn về đội ngũ, thiết bị hoặc hạ tầng công nghệ thông tin, chủ động thực hiện các giải pháp phù hợp như dạy học theo cụm trường, chia sẻ học liệu số, bồi dưỡng giáo viên và khai thác hiệu quả các nền tảng số.

Triển khai các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh phổ thông theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo¹², nhằm hình thành và phát triển những năng lực thiết yếu của công dân số, sẵn sàng tham gia vào môi trường số trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0.

Tăng cường khai thác, sử dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ quản lý hành chính, sổ sách điện tử, sắp xếp thời khóa biểu, phân công chuyên môn, quản lý cơ sở vật chất, giúp giảm tải cho cán bộ, giáo viên; khai thác sử dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn để hỗ trợ ra quyết định, dự báo sớm, nhận diện học sinh cần hỗ trợ, đánh giá hiệu quả chính sách, tối ưu phân bổ nguồn lực; khuyến khích ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý dạy học, tư vấn hướng nghiệp, cá nhân hóa lộ trình học tập, phát huy tiềm năng từng học sinh, bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và trách nhiệm của người sử dụng.

4.5. Tổ chức dạy học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai và nâng cao chất lượng ngoại ngữ

Từng bước tổ chức dạy học và sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong trường học, phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và đối tượng học sinh. Mở rộng môi trường giao tiếp, thực hành và sử dụng tiếng Anh trong các môn học, hoạt động giáo dục và sinh hoạt nhà trường.

Tổ chức dạy học các ngoại ngữ theo Chương trình giáo dục phổ thông. Đa dạng hóa ngoại ngữ được dạy học phù hợp với nhu cầu của người học và điều kiện của cơ sở giáo dục.

Chủ động, sáng tạo trong huy động nguồn lực, sử dụng hợp lý, khoa học các nguồn kinh phí được cấp và cơ sở vật chất hiện có, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên dạy ngoại ngữ, dạy bằng ngoại ngữ và dạy chương trình giáo dục tích hợp, đặc biệt là tiếng Anh để tiến tới đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học¹³.

¹² Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ GDĐT Quy định khung năng lực số cho người học; Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn triển khai khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; Công văn số 2132/SGDĐT-GDPT ngày 09/9/2025 của Sở GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông.

¹³ Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường

Đối với địa bàn thiếu giáo viên ngoại ngữ, khuyến khích xây dựng phương án dạy học liên trường, theo cụm trường, trực tiếp kết hợp trực tuyến. Phát triển, chia sẻ học liệu dùng chung. Tham mưu việc bồi dưỡng, điều động và bố trí đội ngũ theo thẩm quyền, bảo đảm chất lượng và cơ hội học ngoại ngữ của học sinh.

Hoạt động giáo dục được dạy và học bằng tiếng nước ngoài phải bảo đảm mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục của chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt ở từng cấp học, trình độ đào tạo và tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến giáo dục phổ thông; được công khai đến học sinh và các bên liên quan trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục ngay sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án. Chương trình, giáo trình, tài liệu sử dụng để dạy và học bằng tiếng nước ngoài không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không làm ảnh hưởng đến văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam và bảo đảm liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo theo quy định.

4.6. Tăng cường giáo dục nghệ thuật

Tổ chức đa dạng hoạt động giáo dục nghệ thuật trong và ngoài giờ học thông qua môn học, hoạt động giáo dục, câu lạc bộ, sân chơi và trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế. Khuyến khích học sinh sáng tạo, biểu diễn, cảm thụ nghệ thuật; giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống, bản sắc dân tộc và địa phương; tiếp cận có chọn lọc nghệ thuật đương đại phù hợp với lứa tuổi.

Phát huy vai trò của giáo dục nghệ thuật trong hình thành phẩm chất, năng lực thẩm mỹ, sáng tạo, giao tiếp và hợp tác. Huy động nghệ nhân, văn nghệ sĩ, cơ sở đào tạo, tổ chức và cá nhân tham gia tổ chức hoạt động giáo dục nghệ thuật thiết thực, hiệu quả¹⁴.

4.7. Giáo dục thể chất và y tế trường học

Tăng cường giáo dục kỹ năng phòng, chống đuối nước, kỹ năng an toàn trong môi trường nước và phòng, chống tai nạn, thương tích; chủ động rà soát nguy cơ mất an toàn tại cơ sở giáo dục và trong các hoạt động giáo dục, thể thao; phối hợp với gia đình và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc giáo dục, hướng dẫn học sinh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn.

định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

¹⁴ Công văn số 5069/BGDĐT-GDPT ngày 30/8/2026 của Bộ GDĐT về việc tăng cường tổ chức phong trào rèn luyện thể chất và thực hành nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2026 - 2027.

Tổ chức giảng dạy hiệu quả môn Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và công tác y tế trường học; chú trọng rèn luyện thể chất, chăm sóc sức khỏe và phòng, chống tai nạn, thương tích.

Tổ chức dạy bơi cho học sinh các khối đầu cấp (khối 6 và khối 10) nhằm trang bị cho học sinh kiến thức, kỹ năng bơi an toàn, phòng, chống đuối nước để góp phần nâng cao sức khỏe, năng lực phòng ngừa, bảo vệ bản thân và hỗ trợ người khác trong phòng, chống đuối nước¹⁵.

Rà soát, bố trí đội ngũ, cơ sở vật chất, sân bãi và thiết bị để tổ chức các môn thể thao tự chọn được quy định trong môn Giáo dục thể chất theo Chương trình giáo dục phổ thông; phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng, thể lực của học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường; xây dựng thời khóa biểu phù hợp tâm sinh lý và sức khỏe học sinh; không bố trí nội dung thực hành vào tiết thứ 5 buổi sáng và tiết 1 buổi chiều.

Thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026 - 2035; tăng cường công tác y tế trường học, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đầu năm học, quản lý và chuẩn hóa dữ liệu sức khỏe học sinh trên môi trường số. Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn thực phẩm, dinh dưỡng hợp lý đối với bữa ăn bán trú, căng tin trường học; chủ động phòng, chống các dịch bệnh truyền nhiễm, bệnh học đường; đảm bảo điều kiện nước sạch, công trình vệ sinh, vệ sinh môi trường và duy trì tỷ lệ 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế¹⁶.

4.8. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống và xây dựng công dân trong kỷ nguyên số

Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống và trách nhiệm công dân; xây dựng văn hóa học đường; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh; hình thành ở học sinh các giá trị cốt lõi của con người Việt Nam, lòng yêu nước, ý thức thượng tôn pháp luật, khát vọng cống hiến và trách nhiệm xã hội¹⁷.

¹⁵ Quyết định số 2993/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Bộ GDĐT phê duyệt chương trình và tài liệu hướng dẫn dạy bơi an toàn cho học sinh.

¹⁶ Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 123 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế và Bộ GDĐT quy định về công tác y tế trường học; Thông tư số 28/2023/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nội dung chuyên môn, nghiệp vụ của chương trình đào tạo nhân viên y tế làm việc tại y tế cơ quan, đơn vị, tổ chức mà không thành lập cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026 - 2035; Kế hoạch số 444/KH-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026 – 2035 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc cho người dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030.

¹⁷ Công văn số 2485/SGDĐT-GDPT ngày 18/9/2025 của Sở GDĐT về việc triển khai Tài liệu hướng dẫn giáo viên tích hợp nội dung lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong các môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, Ngữ văn, Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp; Công văn số 6454/SGDĐT-GDPT ngày 30 tháng 12 năm 2025 về

4.9. Tổ chức dạy học trực tiếp kết hợp trực tuyến (Lớp học số)

Giải pháp Lớp học số được thực hiện đối với các cơ sở giáo dục gặp khó khăn trong việc bố trí giáo viên; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục qua sinh hoạt chuyên đề, thao giảng,... liên trường, cấp cụm, thành phố và hỗ trợ các tỉnh, địa phương khác.

Các cơ sở giáo dục rà soát các lớp còn thiếu giáo viên, đặc biệt là môn Tiếng Anh và môn Tin học, Mỹ thuật, Âm nhạc,... phân công bố trí giáo viên sẵn có hoặc từ đơn vị khác tham gia dạy học Lớp học số. Xây dựng phương án dạy học trực tiếp kết hợp với trực tuyến khi đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị, đường truyền, sắp xếp thời khóa biểu môn học khoa học, linh hoạt, phù hợp đảm bảo công bằng và quyền lợi cho học sinh, đảm bảo 100% các học sinh của trường được học đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định, vừa được học trực tuyến, vừa được học trực tiếp, luân phiên, không cố định thường xuyên một hình thức. Khi tổ chức Lớp học số phải phân công giáo viên phụ trách lớp học tại các điểm cầu để quản lý lớp học và hỗ trợ học sinh học tập; giáo viên tham gia giảng dạy Lớp học số và giáo viên được phân công phụ trách lớp học trực tuyến được tính vào số tiết giảng dạy, quy đổi theo quy định hiện hành.

Tổ chức dạy trực tuyến đồng thời cho từ 02 lớp trở lên, đảm bảo theo đúng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng dẫn¹⁸.

Xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, các phòng học bộ môn theo hình thức liên lớp/liên trường đối với các tiết học của Lớp học số; thao giảng các chuyên đề, hỗ trợ chuyên môn, bảo đảm thuận lợi, khả thi, an toàn trong tổ chức hoạt động dạy và học trực tuyến; đồng thời bảo đảm an toàn thông tin, bản quyền phần mềm và hạ tầng đường truyền đối với các trường tham gia kết nối Lớp học số.

5. Một số nhiệm vụ trọng tâm theo cấp học

5.1. Đối với cấp tiểu học

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở giáo dục, các cơ quan liên quan thực hiện huy động trẻ em vào lớp 1, trong đó phối hợp với cha mẹ học sinh hỗ trợ trẻ em chuyển tiếp từ mầm non sang tiểu học. Tổ chức tiếp nhận và hỗ trợ học sinh lớp 1 bảo đảm nhẹ nhàng, phù hợp tâm sinh lý lứa tuổi. Có phương án về đảm bảo đội ngũ giáo viên, chuẩn bị đầy đủ điều kiện phòng học, sách giáo khoa, học liệu, thiết bị dạy học và môi trường học tập. Không

việc tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và giáo dục văn hoá-nghệ thuật cho học sinh phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

¹⁸ Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên; Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

tổ chức kiểm tra, khảo sát năng lực để tuyển sinh vào lớp 1; không tạo áp lực học trước Chương trình lớp 1 đối với trẻ em¹⁹.

Chú trọng củng cố năng lực tiếng Việt, nhất là kỹ năng đọc, viết, năng lực tính toán, giao tiếp, tự phục vụ, tự học và nền nếp học tập cho học sinh lớp 1, lớp 2. Đối với học sinh còn hạn chế về tiếng Việt, học sinh dân tộc thiểu số và học sinh có hoàn cảnh khó khăn, nhà trường tổ chức hỗ trợ kịp thời, phù hợp trong quá trình dạy học, giúp học sinh từng bước đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình. Đối với học sinh khuyết tật, việc tổ chức dạy học và hỗ trợ được thực hiện phù hợp với khả năng, nhu cầu và kế hoạch giáo dục cá nhân.

Nâng cao chất lượng dạy học lớp 4, lớp 5. Tập trung chuẩn bị cho học sinh hoàn thành chương trình tiểu học và chuyển tiếp lên trung học cơ sở, nhất là phương pháp học tập, nền nếp học tập, kỹ năng tự quản lý nhiệm vụ học tập, giao tiếp và thích ứng với môi trường học tập mới.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, trong đó sử dụng buổi học thứ hai để củng cố kiến thức, phát triển năng lực, đọc sách, nghệ thuật, thể thao, trải nghiệm, kỹ năng sống, hoạt động phù hợp lứa tuổi.

5.2. Đối với cấp trung học cơ sở

Tổ chức các hoạt động hỗ trợ học sinh lớp 6 chuyển tiếp từ tiểu học lên trung học cơ sở. Hướng dẫn phương pháp học tập, kỹ năng tự học, quản lý thời gian và thực hiện nền nếp học tập. Rà soát, hỗ trợ kịp thời học sinh có kết quả học tập chưa vững ở tiểu học, học sinh chuyển trường, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh gặp khó khăn trong thích nghi hoặc có nguy cơ nghỉ học dài ngày.

Đối với các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, phân công giáo viên phù hợp với chuyên môn; tổ chức dạy học đảm bảo đầy đủ yêu cầu cần đạt, không chia cắt cơ hội nội dung môn học²⁰.

Tăng cường tư vấn hướng nghiệp, phân luồng; hỗ trợ học sinh lựa chọn lộ trình học tập sau trung học cơ sở phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội²¹.

¹⁹ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ GDĐT về việc tổ chức dạy học môn tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học; Công văn số 5335/SGDĐT-GDTH ngày 12/10/2022 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học lớp ghép cấp tiểu học.

²⁰ Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

²¹ Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục; Kế hoạch số 414/KH-UBND ngày 29/7/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030.

5.3. Đối với cấp trung học phổ thông

Tổ chức ổn định các môn học lựa chọn, chuyên đề học tập phù hợp với điều kiện nhà trường và nguyện vọng của học sinh; công khai phương án để học sinh, cha mẹ học sinh biết và phối hợp thực hiện.

Tư vấn về các môn học lựa chọn đối với học sinh lớp 10 trước khi học sinh đăng ký. Cung cấp thông tin đầy đủ về tổ hợp môn học, điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường, định hướng nghề nghiệp, yêu cầu thi tốt nghiệp trung học phổ thông, tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp và các lộ trình học tập sau trung học phổ thông. Không để học sinh lựa chọn môn học theo cảm tính, thiếu thông tin hoặc do nhà trường áp đặt.

Trường hợp học sinh có nhu cầu thay đổi môn học lựa chọn, nhà trường thực hiện theo quy định²². Có phương án hỗ trợ học sinh bổ sung kiến thức, kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả học tập và bảo đảm quyền lợi học tập, định hướng sau trung học phổ thông của học sinh.

Tổ chức ôn tập và chuẩn bị cho kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông bảo đảm ổn định, khoa học, bám sát chương trình, đúng quy định. Phân hóa theo nhóm học sinh và hỗ trợ học sinh còn hạn chế về năng lực, học sinh vùng khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh có nguy cơ không hoàn thành chương trình.

Phát huy vai trò của trường trung học phổ thông chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú và cơ sở giáo dục có điều kiện thuận lợi trong bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, đổi mới sinh hoạt chuyên môn và hỗ trợ chuyên môn cho các cơ sở giáo dục trong khu vực.

II. THỰC HIỆN GIÁO DỤC BẮT BUỘC VÀ BẢO ĐẢM CÔNG BẰNG TRONG TIẾP CẬN GIÁO DỤC

1. Thực hiện giáo dục bắt buộc

Phối hợp thực hiện hiệu quả công tác rà soát, cập nhật, đối chiếu dữ liệu trẻ em, học sinh trong độ tuổi giáo dục bắt buộc và phổ cập giáo dục theo địa bàn dân cư; quản lý đầy đủ tình trạng đi học, chưa đi học, bỏ học, chuyển đi, chuyển đến và các trường hợp cần hỗ trợ; bảo đảm dữ liệu kịp thời, chính xác, thống nhất với cơ sở dữ liệu ngành.

Các cơ sở giáo dục tăng cường hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ. Triển khai 100% các phường, xã, cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong điều tra, rà soát, huy động, duy trì sĩ số, xử lý trường hợp bỏ học và cập nhật dữ liệu, nhất

²² Công văn số 68/BGDĐT-GDTrH ngày 06/01/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn chuyển đổi môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập cấp trung học phổ thông.

là tại địa bàn mới sắp xếp, khu công nghiệp, khu đô thị mới, vùng biên giới và vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường công tác tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện công tác phổ cập giáo dục về điều tra, nhập số liệu vào hệ thống, hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ khi thực hiện mô hình chính quyền hai cấp và sáp nhập địa giới hành chính.

Các cơ sở giáo dục phối hợp với gia đình, chính quyền địa phương và các tổ chức liên quan bảo đảm trẻ em trong độ tuổi được đi học; phòng ngừa, hạn chế học sinh bỏ học; kịp thời hỗ trợ học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập, gắn thực hiện giáo dục bắt buộc với nâng cao chất lượng giáo dục và bảo đảm học sinh hoàn thành chương trình.

2. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục

Tiếp tục thực hiện đúng, đủ kịp thời các chế độ, chính sách đối với địa bàn khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo; cơ sở giáo dục chưa bảo đảm điều kiện tối thiểu; học sinh yếu thế và học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khác. Tập trung hỗ trợ điều kiện đi học, sách giáo khoa, học liệu, đồ dùng học tập, bán trú, nội trú, dinh dưỡng, tư vấn tâm lý, bổ sung kiến thức nền tảng và kết nối chính sách an sinh xã hội.

Bảo đảm các điều kiện học tập thiết yếu. Khắc phục rào cản do hoàn cảnh kinh tế, khoảng cách địa lý, khuyết tật, ngôn ngữ và biến động dân cư. Việc hỗ trợ phải góp phần duy trì sĩ số, hạn chế học sinh bỏ học, nâng cao kết quả học tập và bảo đảm học sinh hoàn thành chương trình.

3. Phát triển giáo dục dân tộc, giáo dục học sinh khuyết tật và giáo dục ở vùng khó khăn

3.1. Đối với giáo dục dân tộc

Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với công tác chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em trước khi vào lớp 1, bảo đảm học sinh có đủ năng lực học tập, giao tiếp và tiếp cận Chương trình giáo dục phổ thông. Tiếp tục triển khai và mở rộng dạy học các tiếng dân tộc thiểu số đã được ban hành chương trình, sách giáo khoa đáp ứng nhu cầu của học sinh và bảo tồn phát triển ngôn ngữ các dân tộc.

Đối với học sinh học tiếng dân tộc thiểu số, chú trọng củng cố kiến thức nền tảng, kỹ năng tự học, tư vấn tâm lý và hướng nghiệp. Thực hiện các giải pháp phòng ngừa bỏ học do lao động sớm, kết hôn sớm, di cư tự do, mùa vụ và các nguyên nhân khác.

Hướng dẫn tổ chức và vận hành các trường chuyên biệt có học sinh hưởng chính sách ăn, ở tại trường (bao gồm trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú) bảo đảm an ninh, an toàn. Ưu tiên nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục tại các trường chuyên biệt và thực hiện đúng, đủ các chính sách đối với học sinh và cơ sở giáo dục. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường gắn với quản lý toàn diện học tập và sinh hoạt của học sinh. Phát huy tính đặc thù học sinh ăn, ở ngay tại trường để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày kết hợp giáo dục truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới quốc gia.

3.2. Đối với giáo dục học sinh khuyết tật

Tăng cường giáo dục hòa nhập đối với học sinh khuyết tật. Các cơ sở giáo dục thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật thông qua điều chỉnh chương trình học các nội dung văn hóa, nội dung kiểm tra, đánh giá phù hợp với nhu cầu và khả năng của từng trẻ khuyết tật; đảm bảo trẻ có thể tiếp thu kiến thức và kỹ năng một cách hiệu quả.

Đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập không thuộc đối tượng miễn thi trong kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông²³, các cơ sở giáo dục cần lưu ý công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo học sinh đáp ứng các yêu cầu theo quy định khi xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông²⁴.

Tăng cường phát hiện sớm, can thiệp giáo dục sớm cho trẻ khuyết tật. Tăng cường tổ chức tập huấn cho giáo viên về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh khuyết tật học hòa nhập.

Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, các trường học cần triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ trong năm học, bao gồm việc hỗ trợ tài chính, vật chất, và tinh thần bằng cách cung cấp học bổng, hỗ trợ chi phí học tập, sách vở, đồ dùng học tập,... Tổ chức cho các em được tham gia các hoạt động trải nghiệm và các hoạt động khác để phát triển năng lực và tăng cường sự tự tin.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn học sinh khuyết tật và nhu cầu được hỗ trợ giáo dục hòa nhập để các Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, các trường giáo dục chuyên biệt (công lập và tư thục) xây dựng kế hoạch hỗ trợ giáo dục hòa nhập. Tăng cường phối hợp với gia đình, cơ sở y tế, tổ chức xã

²³ Theo quy định tại Điều 39 Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2026/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 3 năm 2026).

²⁴ Theo quy định về việc xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông tại Công văn số 1257/BGDĐT-QLCL ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn một số nội dung tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026 và các nội dung có liên quan đến đánh giá học sinh khuyết tật tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT.

hội và cộng đồng trong giáo dục, chăm sóc, phục hồi chức năng và hỗ trợ học sinh tham gia hoạt động giáo dục phù hợp với khả năng, nhu cầu.

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 403/QĐ-TTg và Quyết định số 2056/QĐ-BGDĐT. Trong quá trình xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tích hợp phát triển hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập và trường giáo dục chuyên biệt công lập theo quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; khuyến khích thành lập cơ sở giáo dục tự thực dành cho học sinh khuyết tật, góp phần bảo đảm quyền được học tập và tiếp cận giáo dục có chất lượng.

3.3. Đối với giáo dục ở vùng khó khăn

Thực hiện đúng, đủ kịp thời các chế độ, chính sách đối với người dạy, người học và các cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; tăng cường huy động nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; tập trung triển khai thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2021-2030 và Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

III. BẢO ĐẢM CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Mạng lưới trường, lớp, điểm trường

Bảo đảm thực hiện giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở là giáo dục bắt buộc theo quy định tại Luật Giáo dục 2019 và công bằng trong tiếp cận giáo dục, theo hướng thuận lợi cho việc học của học sinh gắn với điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông.

Thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn Thành phố theo mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, tuân thủ các nguyên tắc chuyên môn và khoa học giáo dục, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số và không gian phát triển, hiệu quả đầu tư và năng lực quản trị làm định hướng xuyên suốt, bền vững; phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, cấp học và loại hình cơ sở giáo dục - đào tạo.

Không thực hiện sắp xếp một cách cơ học chỉ nhằm giảm đầu mối; hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến hoạt động dạy học, tâm lý của học sinh, nhà giáo và cha mẹ học sinh.

Bảo đảm quyền học tập và cơ hội tiếp cận giáo dục; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho học sinh đến trường, không làm phát sinh thêm rào cản địa lý và chi phí; tuyệt đối không ảnh hưởng đến công tác huy động học sinh ra lớp để duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa, tài liệu và học liệu

Các cơ sở giáo dục rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; ưu tiên phòng học, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thư viện, công trình vệ sinh, nước sạch, điều kiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, bán trú, nội trú và các cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đảm bảo trang bị 100% thiết bị dạy học tối thiểu.

Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và học liệu số; việc đầu tư, mua sắm, bổ sung thiết bị phải gắn với nhu cầu sử dụng thực tế, bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí; kiên quyết không để tình trạng “thiết bị đến trường mà không ra lớp”.

Tiếp tục phát triển, xây dựng kho học liệu số, bài giảng số các môn học và hoạt động giáo dục để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

Bảo đảm đủ sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương, học liệu và thiết bị dạy học tối thiểu trước khi bắt đầu năm học; thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ đối với học sinh thuộc diện chính sách và học sinh có hoàn cảnh khó khăn; không để học sinh thiếu sách giáo khoa, học liệu do hoàn cảnh khó khăn hoặc chậm cung ứng.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, bán trú, nội trú và các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện bảo đảm và quy định hiện hành; không mở rộng quy mô, hình thức tổ chức khi chưa đáp ứng các điều kiện tối thiểu.

3. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và nhân sự hỗ trợ giáo dục

3.1. Đảm bảo đội ngũ giáo viên thực hiện Chương trình

Các cơ sở giáo dục tham mưu tuyển đúng, tuyển đủ giáo viên theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, không để xảy ra tình trạng có biên chế mà không

thực hiện tuyển dụng; ký hợp đồng giảng dạy để kịp thời bổ sung số lượng giáo viên còn thiếu theo quy định, không vì việc sắp xếp, tổ chức bộ máy mà gây ra tình trạng thiếu giáo viên, ảnh hưởng đến việc học tập của học sinh.

Bảo đảm đủ giáo viên dạy đúng, đủ các môn học theo quy định Chương trình giáo dục phổ thông; khắc phục tình trạng thiếu hoặc bố trí, sử dụng giáo viên không phù hợp với chuyên ngành đào tạo; thực hiện phương án điều động, biệt phái giáo viên từ nơi thừa sang nơi thiếu, giáo viên dạy học liên trường để sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có. Linh hoạt giải pháp bố trí, sử dụng giáo viên. Tiếp tục thực hiện mô hình Lớp học số để hỗ trợ một số đơn vị thiếu giáo viên. Không để trường, điểm trường có học sinh nhưng không có giáo viên phụ trách và không để tình trạng thiếu giáo viên kéo dài mà không có phương án xử lý.

Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế để huy động các nhóm nhân lực có chuyên môn cao, nghệ nhân, nghệ sĩ, vận động viên chuyên nghiệp, tình nguyện viên người nước ngoài tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục trong các nhà trường, nhất là về văn hóa, nghệ thuật, thể thao, kỹ năng sống; phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa tại địa phương trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

3.2. Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và tăng cường hoạt động sinh hoạt chuyên môn

Rà soát, bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán các môn học, hoạt động giáo dục để triển khai bồi dưỡng theo phương thức thường xuyên, liên tục, ngay tại trường, cụm trường; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường để nâng cao năng lực nghề nghiệp giáo viên; chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, dạy học môn tích hợp, môn học lựa chọn, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, giáo dục hòa nhập, giáo dục học sinh dân tộc thiểu số và nâng cao năng lực quản trị nhà trường; khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng bằng nhiều hình thức phù hợp; tiếp tục triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông²⁵.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận

²⁵ Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn; Công văn 6945/SGDĐT-GDPT ngày 15/7/2026 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn.

lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa.

Tổ chức các chuyên đề, Hội nghị, Hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên được phân công giảng dạy các môn Khoa học tự nhiên; Lịch sử và Địa lí tại các trường trung học cơ sở.

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, tạo nên mạng lưới bồi dưỡng giáo viên năng động và hiệu quả, sát với nhu cầu của giáo viên và yêu cầu của các trường trong cụm.

Bảo đảm một học kì sinh hoạt cụm chuyên môn ít nhất 02 lần ở bậc trung học và tự nguyện ở bậc tiểu học; lựa chọn nội dung sinh hoạt cụm chuyên môn thiết thực, đáp ứng nhu cầu giáo viên, góp phần nâng cao năng lực giáo viên, tránh hình thức, chạy theo thành tích; thời gian, địa điểm, nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường do các trường trong cụm thỏa thuận và thống nhất trong kế hoạch hành động.

4. Đảm bảo chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Thực hiện bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định²⁶; gắn kết quả đánh giá với cải tiến chất lượng nhà trường, nâng cao hiệu quả quản trị, chất lượng dạy học, giáo dục học sinh và các điều kiện bảo đảm chất lượng.

Các cơ sở giáo dục tự đánh giá thực chất, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng khả thi. Duy trì, củng cố tiêu chuẩn, tiêu chí đã đạt; khắc phục hạn chế về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, quản trị nhà trường, chất lượng giáo dục và phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội.

Đối với trường đã đạt chuẩn quốc gia thường xuyên rà soát tiêu chí và xây dựng lộ trình củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng sau sắp xếp đơn vị hành chính.

²⁶ Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và trường phổ thông.

IV. ĐỔI MỚI QUẢN LÝ GIÁO DỤC, NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ NHÀ TRƯỜNG VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Bảo đảm sự phối hợp thông suốt giữa Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ sở giáo dục²⁷; không để việc thay đổi mô hình quản lý, phân cấp, phân quyền làm gián đoạn hoạt động dạy học, ảnh hưởng đến quyền học tập của học sinh.

Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục theo thẩm quyền phân cấp; phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý chuyên môn theo quy định.

Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục theo thẩm quyền phân cấp; chủ trì quản lý địa bàn, bảo đảm an toàn trường học, phối hợp huy động trẻ ra lớp và thực hiện công tác phổ cập giáo dục; tham vấn ý kiến chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo trước khi ban hành các quyết định liên quan theo quy định.

Các cơ sở giáo dục phổ thông chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường; quản trị nhân sự, tài sản và các nguồn lực được giao; báo cáo, thỉnh thị cấp có thẩm quyền và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

2. Nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường

Phát huy quyền chủ động của hiệu trưởng gắn với trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà trường; hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, cải tiến chất lượng, bảo đảm an toàn, công khai và dân chủ²⁸.

Nhà trường sử dụng kết quả học tập, rèn luyện, chuyên cần, phản ánh của học sinh, cha mẹ học sinh, dữ liệu đội ngũ, cơ sở vật chất, điều kiện dạy học để điều chỉnh kế hoạch giáo dục, phân công giáo viên, hỗ trợ học sinh, cải tiến chất lượng và giải trình với tổ chức, cá nhân liên quan.

Thực hiện công khai các nội dung theo quy định; phát huy vai trò giám sát của giáo viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

²⁷ Thông tư 15/2025/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GDĐT thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa-Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

²⁸ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong các cơ sở giáo dục phổ thông; thực hiện cập nhật số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo.

Nâng cao chất lượng công tác tự kiểm tra nội bộ của nhà trường đối với việc thực hiện quy chế chuyên môn, quản lý hồ sơ chuyên môn và tổ chức các hoạt động giáo dục.

Quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo theo quy định, không lạm dụng vị trí công tác của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để thực hiện hoặc tham gia thực hiện việc ép buộc, vận động học sinh hoặc cha mẹ học sinh mua xuất bản phẩm tham khảo.

Quản lý việc tham gia tổ chức các kì thi, cuộc thi, hội thi bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy định, không tạo áp lực thành tích đối với giáo viên và học sinh. Chuẩn bị tốt cho việc tổ chức kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông tại địa phương và các kì thi, cuộc thi cấp thành phố, cấp quốc gia, quốc tế, đảm bảo công bằng, khách quan, trung thực theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo.

Các cơ sở giáo dục liên kết giáo dục với nước ngoài thực hiện chương trình giáo dục tích hợp đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cho phép thực hiện, đảm bảo đúng quy định; không tổ chức thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài khi chưa bảo đảm điều kiện triển khai.

Các cơ sở giáo dục tư thục có vốn đầu tư nước ngoài đảm bảo tuân thủ chương trình giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép; thực hiện đầy đủ các nội dung giáo dục bắt buộc dành cho học sinh Việt Nam theo quy định.

3. Chuyển đổi số, học bạ số và quản trị dữ liệu giáo dục

Tiếp tục thực hiện học bạ số, học liệu số, tuyển sinh trực tuyến và các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá. Bảo đảm toàn bộ học sinh có học bạ số được cập nhật đầy đủ, kịp thời; dữ liệu học bạ số kết nối về Cơ sở dữ liệu Học bạ số của Bộ Giáo dục và Đào tạo và liên thông với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục²⁹. Không yêu cầu học sinh, cha mẹ học sinh cung cấp lại thông tin đã có trên hệ thống.

Cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu giáo dục bảo đảm đúng, đầy đủ, kịp thời, thống nhất, an toàn và dùng chung giữa các cấp quản lý; bảo vệ dữ liệu cá nhân

²⁹ Quyết định số 1789/QĐ-SGDĐT ngày 14/6/2024 của Sở GDĐT về việc ban hành Quy chế tạm thời quản lý, sử dụng Hệ thống theo dõi, đánh giá học sinh và Học bạ số ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

theo quy định. Dữ liệu về học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất phải liên thông với dữ liệu giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục, phục vụ thống nhất công tác quản lý, dự báo, điều hành và phân bổ nguồn lực. Chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu sức khỏe, thể trạng học sinh (chiều cao, cân nặng, chỉ số BMI, khúc xạ, tiền sử bệnh...) lên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành để theo dõi liên tục.

Khai thác dữ liệu để phát hiện kịp thời thiếu hụt về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, chính sách hỗ trợ và các nguy cơ ảnh hưởng chất lượng, an toàn. Không yêu cầu cung cấp lại dữ liệu đã có trên hệ thống hoặc hồ sơ chuyên môn; không phát sinh hồ sơ, sổ sách ngoài quy định.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục Thành phố, bảo đảm kết nối, liên thông với Cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống thông tin chuyên ngành theo quy định³⁰.

Các cơ sở giáo dục thực hiện cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu theo quy định; duy trì việc cập nhật dữ liệu thường xuyên, bảo đảm nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống”; đồng thời phối hợp xác thực mã định danh cá nhân, địa chỉ cư trú của học sinh, đáp ứng yêu cầu quản lý sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của Thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị dạy học; tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số.

V. BẢO ĐẢM AN TOÀN, KỶ CƯƠNG TRƯỜNG HỌC VÀ TĂNG CƯỜNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương

Các cơ sở giáo dục phổ thông tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; thực hiện hiệu quả công tác bảo đảm an toàn trường học, xây dựng văn hoá học đường và tăng cường quản lý đạo đức nhà giáo, văn hoá ứng xử và kỷ cương trường học; chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý nghiêm hành vi vi phạm đạo đức nhà giáo, bạo lực học đường, xâm phạm danh dự, nhân phẩm của nhà giáo và học sinh; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, phòng ngừa, phát hiện và xử lý các vụ việc phát sinh.

Tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, tai nạn, mất an toàn thực phẩm, tệ nạn và nguy cơ trên không gian

³⁰ Công văn số 4333/SGDDĐT-VP ngày 12/5/2026 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện kết nối, đồng bộ dữ liệu học bạ số.

mạng; xây dựng phương án ứng phó, xử lý các tình huống mất an toàn phù hợp tình hình thực tế tại đơn vị³¹.

Tăng cường giáo dục, hướng dẫn học sinh kỹ năng phòng, chống đuối nước và kỹ năng an toàn trong môi trường nước; rà soát các nguy cơ đuối nước trên địa bàn, nhất là tại khu vực xung quanh trường học và nơi học sinh sinh sống; phối hợp với gia đình, chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác phòng ngừa, tuyên truyền và giáo dục kỹ năng an toàn cho học sinh.

Bảo đảm an toàn đối với học sinh bán trú, nội trú, học sinh ở xa gia đình. Quản lý chặt chẽ việc ăn, ở, sinh hoạt, học tập, chăm sóc sức khỏe, tư vấn tâm lý, phòng chống bạo lực, xâm hại, kì thị và phân biệt đối xử.

Tăng cường tư vấn tâm lý, triển khai hiệu quả công tác xã hội trường học; bố trí nhân sự thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế và được bồi dưỡng nghiệp vụ; chủ động phát hiện, tư vấn, hỗ trợ học sinh có khó khăn về tâm lý, áp lực học tập và nguy cơ trên môi trường số.

Thường xuyên rà soát, kiểm tra cơ sở vật chất, hệ thống điện, cây xanh, thiết bị dạy học,... để kịp thời khắc phục, loại bỏ các nguy cơ gây mất an toàn.

Phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh; đẩy mạnh tuyên truyền kỹ năng sống, kỹ năng ứng xử văn hóa và kỹ năng an toàn trên không gian mạng.

2. Quản lý dạy thêm, học thêm; các khoản thu, chi, tài trợ và huy động nguồn lực xã hội

Thực hiện nghiêm quy định về dạy thêm, học thêm³². Tăng cường quản lý chặt chẽ hoạt động dạy thêm, học thêm; thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường và giảm áp lực học tập cho học sinh.

Thực hiện đúng quy định về công khai, quản lý tài chính, thu, chi, tài trợ, huy động nguồn lực xã hội và hoạt động phối hợp, liên kết; bảo đảm tự nguyện, minh bạch, đúng mục đích, thẩm quyền. Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý hành vi lạm thu, ép buộc học thêm hoặc lợi dụng hoạt động giáo dục, tài trợ và huy động nguồn lực xã hội để thu các khoản trái quy định; không lợi dụng hoạt

³¹ Kế hoạch số 6066/KH-SGDĐT ngày 24/6/2026 của Sở GDĐT triển khai công tác tăng cường chấn chỉnh xử lý, ngăn chặn, đẩy lùi bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Kế hoạch số 6237/KH-SGDĐT ngày 29/6/2026 của Sở GDĐT triển khai Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em phát triển trên môi trường mạng giai đoạn 2026 - 2030” trong ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 6470/SGDĐT-HSSV ngày 06/7/2026 của Sở GDĐT triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm.

³² Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về dạy thêm học thêm; Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT.

động phối hợp, liên kết hoặc danh nghĩa tự nguyện để ép buộc học sinh tham gia, thu tiền trái quy định.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức các hoạt động giáo dục có sử dụng nguồn lực xã hội, bảo đảm hiệu quả và phù hợp điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục.

3. Kiểm tra, giám sát, tiếp nhận và xử lý phản ánh

Tăng cường kiểm tra, giám sát các nội dung tác động trực tiếp đến quyền lợi học sinh, chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm; tập trung vào lĩnh vực có nguy cơ phát sinh vi phạm hoặc phản ánh kéo dài. Việc kiểm tra, giám sát phải có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên dữ liệu đã được xác thực và tình hình thực tiễn nhằm hỗ trợ, chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Kịp thời tiếp nhận, xử lý và phản hồi các phản ánh, kiến nghị về hoạt động giáo dục phổ thông; xác định rõ trách nhiệm và thời hạn giải quyết; đảm bảo thực hiện đúng quy định. Chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về nhiệm vụ năm học, kết quả đổi mới giáo dục và chính sách đối với học sinh, giáo viên, tạo đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm kế hoạch tự kiểm tra nội bộ của nhà trường đối với việc thực hiện quy chế chuyên môn, quản lý hồ sơ, sổ sách, công tác quản lý tài chính, tài sản và các chương trình, hoạt động giáo dục.

Công khai đường dây nóng, hộp thư góp ý, các kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của nhà trường và cơ quan quản lý giáo dục để kịp thời tiếp nhận ý kiến của học sinh, gia đình học sinh và Nhân dân.

Thực hiện nghiêm công tác tiếp cha mẹ học sinh, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý nghiêm minh, công khai, đúng pháp luật đối với các tập thể, cá nhân vi phạm (nếu có) trên tinh thần không bao che, che giấu khuyết điểm.

VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

1. Thực hiện đề án, dự án, chương trình

Tiếp tục triển khai thực hiện các đề án, chương trình: Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam” tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh³³; Đề án “Nâng cao năng lực, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh”.

³³ Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam” tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030”³⁴; Đề án “Giáo dục thông minh và học tập suốt đời tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030”³⁵; Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công giai đoạn 2023 - 2030”³⁶.

Tiếp tục triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”; Phong trào thi đua “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030”; Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021-2030”, góp phần thực hiện các kế hoạch và cam kết của Thành phố Hồ Chí Minh, thành viên mạng lưới Thành phố học tập toàn cầu của UNESCO.

Tăng cường chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất nhằm triển khai thực hiện các đề án: Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045”; Đề án “Tích hợp giảng dạy và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hệ thống giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn 2045”;

Tiếp tục mở rộng mô hình trường thực hiện nội dung giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế³⁷; mô hình trường học số³⁸ trong giáo dục phổ thông.

2. Đẩy mạnh hoạt động tự chủ của Cụm chuyên môn

Theo dõi, hỗ trợ hoạt động của các đơn vị thuộc các cụm chuyên môn theo phân công và kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo; nắm tình hình và ghi nhận những bất thường, khó khăn, vướng mắc để kịp thời hướng dẫn, giải quyết; ghi nhận những hoạt động giáo dục hiệu quả để giới thiệu cho các đơn vị học tập và chia sẻ kinh nghiệm.

³⁴ Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về Phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030”.

³⁵ Quyết định số 3249/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về Phê duyệt Đề án Giáo dục thông minh và học tập suốt đời tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030”.

³⁶ Quyết định số 2304/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Bộ GDĐT phê duyệt Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công giai đoạn 2023-2030”; Công văn số 1550/BGDĐT-VP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

³⁷ Quyết định số 2078/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bộ tiêu chuẩn thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường thực hiện nội dung giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

³⁸ Quyết định số 4418/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành bộ tiêu chuẩn công nhận Trường học số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Phối hợp với cụm chuyên môn trong việc tổ chức chuyên đề cấp thành phố theo kế hoạch chung. Đẩy mạnh phân cấp công tác quản lý hoạt động của Cụm chuyên môn, giao quyền chủ động cho cụm trưởng chuyên môn.

3. Thực hiện mô hình “Trường học xanh, lớp học mở”, mô hình “Trường học hạnh phúc”

Đẩy mạnh tổ chức thực hiện mô hình “Trường học xanh, lớp học mở” để công khai chất lượng giáo dục đến từng cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội.

Mời cha mẹ học sinh đến lớp cùng tham dự tiết học, cùng tham gia các hoạt động học tập, vui chơi và sinh hoạt của học sinh tại lớp; hoạt động bán trú, tham gia bữa ăn; cùng con tham dự các chuyên đề, các câu lạc bộ, hoạt động giáo dục của nhà trường. Các cơ sở giáo dục đánh giá kết quả thực hiện mô hình trong báo cáo sơ kết, tổng kết theo yêu cầu.

Xây dựng, phát triển mô hình “Trường học hạnh phúc”³⁹ nhằm hướng đến mục tiêu tăng cường xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học, tạo chuyển biến căn bản về ứng xử văn hóa của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và học viên để phát triển năng lực, hoàn thiện nhân cách, lối sống văn hóa, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ nội dung hướng dẫn và tình hình thực tiễn tại địa phương, các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện và báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện khi kết thúc năm học.

Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ sở giáo dục báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng Giáo dục Phổ thông) để được hướng dẫn và giải quyết./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Giáo dục Phổ thông (để báo cáo);
- Giám đốc (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân các phường/xã/đặc khu (để phối hợp);
- Lưu: VT, GDPT (Hòa, Huế).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bảo Quốc

³⁹ Theo Quyết định số 3442 /QĐ-SGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Sở GDĐT về Bộ tiêu chí Trường học Hạnh phúc trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.